

**DANH SÁCH HỌC SINH BẬC TRUNG CẤP I UKI N C P
 HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP HỌC KỲ I NĂM HỌC 2018-2019**

(Kèm theo Quy định số/Q -C KTKT ngày tháng năm 2019 của Hội đồng trường
 về việc cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ I năm học 2018-2019)

STT	Mã SV	H và tên	L p h c	TBC	KQ RL	Lo i HB	S t i n
Khoa CNTT							
1	1810090016	Trà Minh Phúc	20.SP.IT1	8.7	XS	Gi i	1,200,000
2	1810050016	Nguyễn Anh Hòa	20.T.TH1	8.5	T t	Gi i	1,200,000
3	1810120031	Sàn Th c Quỳnh	20.T.MT1	8.5	XS	Gi i	1,200,000
4	1810090013	Tiêu Văn Hùng	20.SP.IT1	8.5	XS	Gi i	1,200,000
5	1810050017	Nguyễn Huệ Lạc	20.T.TH1	8.4	T t	Gi i	1,200,000
6	1810090030	Nguyễn Minh Tú	20.SP.IT1	8.4	XS	Gi i	1,200,000
7	1810090051	Nguyễn Hoài Văn	20.SP.IT3	8.3	XS	Gi i	1,200,000
8	1810050086	Trần Minh Phi Long	20.T.TH5	8.2	T t	Gi i	1,200,000
9	1810120025	Nguyễn Trần Hoàng Phúc	20.T.MT1	8.2	T t	Gi i	1,200,000
10	1810120027	Liêu Hoàng Thanh Vy	20.T.MT1	8.2	T t	Gi i	1,200,000
11	1810050003	Ngô Lê Minh c	20.T.TH1	8.1	T t	Gi i	1,200,000
12	1810090038	Lai Quốc Dũng	20.SP.IT3	8.0	T t	Gi i	1,200,000
13	1810090012	Trần Minh Hải	20.SP.IT1	8.0	XS	Gi i	1,200,000
14	1810090028	Nguyễn c Toàn	20.SP.IT1	7.9	T t	Khá	1,000,000
15	1810050018	Hà Hải Nguyên	20.T.TH1	7.7	T t	Khá	1,000,000
16	1810090005	Võ Thanh Trọng	20.SP.IT1	7.7	XS	Khá	1,000,000
17	1810050050	Nguyễn Mạnh Cát Trọng	20.T.TH3	7.6	T t	Khá	1,000,000
18	1810050012	Huỳnh Huệ Hoàng	20.T.TH1	7.6	T t	Khá	1,000,000
19	1810090044	Nguyễn Hoàng Thanh Thọ	20.SP.IT3	7.6	XS	Khá	1,000,000
20	1810090022	Nguyễn Ngọc Minh Tuấn	20.SP.IT1	7.6	T t	Khá	1,000,000
21	1810050004	Huỳnh Gia Tuấn	20.T.TH1	7.4	T t	Khá	1,000,000
22	1810090031	Huỳnh Tú Danh	20.SP.IT3	7.4	XS	Khá	1,000,000
23	1810090025	Trần Thiên Huệ	20.SP.IT1	7.4	XS	Khá	1,000,000
24	1810090015	Nguyễn Thu Thu Tiên	20.SP.IT1	7.4	XS	Khá	1,000,000
25	1810050083	Huỳnh Châu Long	20.T.TH5	7.3	T t	Khá	1,000,000
26	1810090052	Hồ Diệu Đình	20.SP.IT3	7.3	T t	Khá	1,000,000
27	1810090040	Huỳnh Thu Thu Trang	20.SP.IT3	7.3	T t	Khá	1,000,000
28	1810050069	Sai Trung Hưng	20.T.TH5	7.2	T t	Khá	1,000,000
29	1810050053	Trần Việt Tiến Hưng	20.T.TH3	7.2	T t	Khá	1,000,000
30	1810050030	Nguyễn Phúc Tiến	20.T.TH1	7.2	T t	Khá	1,000,000
31	1810050026	Cao Nguyễn Huệ Nguyên	20.T.TH1	7.1	T t	Khá	1,000,000
32	1810090014	Trần Thế Hưng	20.SP.IT1	7.1	XS	Khá	1,000,000
33	1710120003	Nguyễn Huệ Hoàng Thông	19.T.MT1	9.5	XS	Xu t s c	1,400,000
34	1710120001	Lê Minh Tân	19.T.MT1	9.3	XS	Xu t s c	1,400,000
35	1710050039	Hà Văn Hùng	19.T.TH3	9.2	XS	Xu t s c	1,400,000
36	1710050012	Nguyễn Minh Thông	19.T.TH1	9.2	XS	Xu t s c	1,400,000
37	1710050007	Phạm Tú Uyên	19.T.TH3	8.7	XS	Gi i	1,200,000
38	1710050001	Hà Thị Ngọc Minh	19.T.TH1	8.7	T t	Gi i	1,200,000

STT	Mã SV	H và tên	L p h c	TBC	KQ RL	Lo i HB	S t i n
39	1710050022	D ñg Tô Chí Thành	19.T.TH1	8.7	T t	Gi i	1,200,000
40	1710120009	Tr n T n Tài	19.T.MT1	8.6	XS	Gi i	1,200,000
41	1710050044	Nguy n V n t	19.T.TH3	8.3	T t	Gi i	1,200,000
42	1710050064	Nguy n Tu n Anh	19.T.TH3	8.1	XS	Gi i	1,200,000
43	1710050067	Nguy n Tri u An	19.T.TH3	8.1	T t	Gi i	1,200,000
44	1710050060	Nguy n Duy	19.T.TH3	8.1	T t	Gi i	1,200,000
45	1710050046	Lê Hoàng Minh	19.T.TH3	8.1	T t	Gi i	1,200,000
46	1710120004	Nguy n Bá Ph c	19.T.MT1	8.1	XS	Gi i	1,200,000
47	1710050056	Nguy n Anh Ki t	19.T.TH3	8.0	T t	Gi i	1,200,000
48	1710050078	Hu nh Gia Vinh	19.T.TH3	7.8	T t	Khá	1,000,000
49	1710120023	T t V nh Hoàng	19.T.MT1	7.8	Khá	Khá	1,000,000
50	1710090022	L u Gia M	19.SP.IT1	7.7	XS	Khá	1,000,000
51	1710050004	Hu nh Nguy n Thi n Nhân	19.T.TH1	7.5	Khá	Khá	1,000,000
52	1710090021	Hà Vi t Phú	19.SP.IT1	7.3	XS	Khá	1,000,000
53	1710090018	ng Cam H ng	19.SP.IT1	7.1	XS	Khá	1,000,000
54	1710090002	Nguy n Ph m Thanh V	19.SP.IT1	7.1	XS	Khá	1,000,000
55	1610050061	Ngô V n Lu n	18.T.TH3	9.5	XS	Xu t s c	1,400,000
56	1610050032	Lâm Gia Thu n	18.T.TH1	9.1	XS	Xu t s c	1,400,000
57	1610090018	Mã Cát Hào	18.SP.IT1	8.9	XS	Gi i	1,200,000
58	1610090022	Hu nh Ki t Linh	18.SP.IT1	8.9	XS	Gi i	1,200,000
59	1610090003	Hu nh Thanh Nam	18.SP.IT1	8.5	XS	Gi i	1,200,000
60	1610050019	V Nguy n Thái H c	18.T.TH1	8.3	T t	Gi i	1,200,000
61	1610050051	Nguy n V n Hùng	18.T.TH3	8.2	XS	Gi i	1,200,000
62	1610050104	Lê M Y n	18.T.TH3	8.2	T t	Gi i	1,200,000
63	1610050096	Lê T n L c	18.T.TH1	8.2	T t	Gi i	1,200,000
64	1610050016	Tr n Ngô Sáng	18.T.TH1	8.0	T t	Gi i	1,200,000
65	1610050053	Nguy n Minh Huy n	18.T.TH3	7.9	T t	Khá	1,000,000
66	1610090004	H a S ñg Th nh	18.SP.IT1	7.6	XS	Khá	1,000,000
67	1610050127	Bùi Hoàng Long	18.T.TH3	7.5	T t	Khá	1,000,000
68	1610050062	Nguy n V n Hi u	18.T.TH3	7.3	T t	Khá	1,000,000
69	1610050060	T Trung Hi u	18.T.TH3	7.3	T t	Khá	1,000,000
70	1610050015	Ôn V nh An	18.T.TH1	7.2	XS	Khá	1,000,000
71	1610050045	Tr n Qu c B o	18.T.TH3	7.1	T t	Khá	1,000,000
72	1610050122	Lê V n C ñg	18.T.TH3	7.1	T t	Khá	1,000,000
73	1610050064	Ph m Trung Thi n	18.T.TH3	7.0	T t	Khá	1,000,000
Khoa i n T H							
74	1810030042	ng Qu c B o	20.T. 3	8.9	XS	Gi i	1,200,000
75	1810020013	D ñg Tr ñg Nguy n	20.T.N1	8.8	T t	Gi i	1,200,000
76	1810020007	G p X ñg Minh	20.T.N1	8.7	Khá	Khá	1,000,000
77	1810030031	Tr n Võ Anh Hào	20.T. 3	8.5	T t	Gi i	1,200,000
78	1810030034	D ñg Gia Hào	20.T. 3	8.3	XS	Gi i	1,200,000
79	1810030002	Lê Thanh San	20.T. 1	8.2	XS	Gi i	1,200,000
80	1810030037	L i ñnh Ti n	20.T. 3	8.1	XS	Gi i	1,200,000
81	1810030024	Lê Thanh Hoàng H i	20.T. 1	8.1	XS	Gi i	1,200,000
82	1810030015	Lý Ch n ñng	20.T. 1	8.0	XS	Gi i	1,200,000
83	1810020058	Lê Qu c t	20.T.N3	7.9	XS	Khá	1,000,000
84	1810020054	Võ Toàn Th ñg	20.T.N5	7.8	XS	Khá	1,000,000

STT	Mã SV	H và tên	L p h c	TBC	KQ RL	Lo i HB	S t i n
85	1810020020	ng Tr ng Hi u	20.T.N1	7.7	Khá	Khá	1,000,000
86	1810030056	D ng Nh t Huy	20.T. 3	7.7	XS	Khá	1,000,000
87	1810020036	Tr n Minh Thu n	20.T.N5	7.5	Khá	Khá	1,000,000
88	1810030051	Phan Phú Hào	20.T. 3	7.5	XS	Khá	1,000,000
89	1810030054	oàn Ng c An Bình	20.T. 3	7.3	Khá	Khá	1,000,000
90	1810030045	Tr nh Nh t Tr ng	20.T. 3	7.3	XS	Khá	1,000,000
91	1810030043	T Hoàng Tu n	20.T. 3	7.3	T t	Khá	1,000,000
92	1810020027	D ng Minh Tri t	20.T.N5	7.2	Khá	Khá	1,000,000
93	1810020017	oàn Minh Phát	20.T.N1	7.2	Khá	Khá	1,000,000
94	1810030044	Võ Qu c Tu n	20.T. 3	7.2	XS	Khá	1,000,000
95	1810020060	Nguy n Hu nh Minh Tâm	20.T.N5	7.1	XS	Khá	1,000,000
96	1810020029	Nguy n Minh Tr ng	20.T.N5	7.0	T t	Khá	1,000,000
97	1810020041	Hu nh Qu c Hùng	20.T.N3	7.0	T t	Khá	1,000,000
98	1810030001	Tr n Khánh Duy	20.T. 1	7.0	XS	Khá	1,000,000
99	1710110011	Châu Chí H u	19.T.VT1	8.4	T t	Gi i	1,200,000
100	1710110003	Nguy n Anh Tú	19.T.VT1	8.4	T t	Gi i	1,200,000
101	1710110019	Võ V n Thành Ngh	19.T.VT1	7.8	T t	Khá	1,000,000
102	1710030027	Tô Lê Hoàng Phúc	19.T. 1	7.1	T t	Khá	1,000,000
103	1710030063	L T n Ngh a	19.T. 3	7.0	Khá	Khá	1,000,000
104	1710020013	Liêu Nguy n Quang V	19.T.N1	7.5	Khá	Khá	1,000,000
105	1710020015	Tr n Chí H i	19.T.N1	7.1	T t	Khá	1,000,000
106	1720020001	Lê Minh Hoàng	19.T.N2	7.7	Khá	Khá	1,000,000
107	1720020004	Cù V nh Tài	19.T.N2	7.3	Khá	Khá	1,000,000
108	1720020009	Ph m V n Nô	19.T.N2	7.2	T t	Khá	1,000,000
109	1720020008	Nguy n Hà Hoàng D ng	19.T.N2	7.1	Khá	Khá	1,000,000
110	1720020003	Phan Thành Ph ng	19.T.N2	7.1	Khá	Khá	1,000,000
111	1720020006	Ph m V n Bé T	19.T.N2	7	XS	Khá	1,000,000
112	1610030030	ng Quang Th o	18.T. 3	8.7	XS	Gi i	1,200,000
113	1610110013	Tr n Lê Minh Hoàng	18.T.VT1	8.6	T t	Gi i	1,200,000
114	1610110030	Tr nh V nh Phát	18.T.VT1	8.3	XS	Gi i	1,200,000
115	1610020055	Nguy n Quý Minh	18.T.N1	8.2	XS	Gi i	1,200,000
116	1610110015	Tr ng Tu n Tài	18.T.VT1	7.7	T t	Khá	1,000,000
117	1610020054	H Phi D ng	18.T.N1	7.7	T t	Khá	1,000,000
118	1610020034	Vòng Gia c Phú	18.T.N1	7.6	T t	Khá	1,000,000
119	1610010015	Nguy n Minh Thi n	18.T. T1	7.6	XS	Khá	1,000,000
120	1610110029	Ngô Chí Phong	18.T.VT1	7.5	XS	Khá	1,000,000
121	1610030054	V T i n Quan	18.T. 3	7.3	XS	Khá	1,000,000
122	1610030057	Nguy n Huy Anh	18.T. 3	7.2	XS	Khá	1,000,000
138	1610030064	Tr n Thành Nhân	18.T. 3	7.0	XS	Khá	1,000,000

Khoa CNKT C Khí

124	1810080032	Trang H ng C m	20.T.CK3	7.9	T t	Khá	1,000,000
125	1810080054	Võ Thành Phúc	20.T.CK3	7.3	T t	Khá	1,000,000
126	1810080056	Lê V n Nam	20.T.CK3	7	Khá	Khá	1,000,000
127	1740080002	Nguy n Thành Nam	19.T.CK2_B	9.9	Khá	Khá	1,000,000
128	1720080004	Nguy n V n H i	19.T.CK2	9.6	Khá	Khá	1,000,000
129	1720080001	Ấu D ng Kh i	19.T.CK2	9.5	T t	Gi i	1,200,000
130	1710080014	Nguy n Thành Trung	19.T.CK1	7.9	Khá	Khá	1,000,000
131	1710080010	Nguy n V n Hoàng Long	19.T.CK1	7.0	T t	Khá	1,000,000

STT	Mã SV	H và tên	L p h c	TBC	KQ RL	Lo i HB	S t i n
132	1610080033	Hu nh V L c	18.T.CK1	8.0	T t	Gi i	1,200,000
133	1610080013	H Nh t Tâm	18.T.CK1	7.8	XS	Khá	1,000,000
134	1610080043	V Anh Tu n	18.T.CK1	7.4	XS	Khá	1,000,000
135	1610080015	Thái Thi n Th ng	18.T.CK1	7.3	XS	Khá	1,000,000
136	1510080059	Nguy n Thành Nhân	18.T.CK1	7.2	Khá	Khá	1,000,000
137	1610080022	Lê Hoàng Phi	18.T.CK1	7.2	XS	Khá	1,000,000
138	1610080016	Ph m Võ Thanh Toàn	18.T.CK1	7.2	XS	Khá	1,000,000
Khoa CNKT Ô tô							
139	1810070128	Ngô H i H u	20.T.O1	7.9	Khá	Khá	1,000,000
140	1810070134	L u Hoàn Long	20.T.O5	7.6	Khá	Khá	1,000,000
141	1810070060	Tr nh Tu n Huy	20.T.O3	7.6	Khá	Khá	1,000,000
142	1810070046	Trang S Tín	20.T.O3	7.4	Khá	Khá	1,000,000
143	1810070061	Nguy n Ng c B o Anh	20.T.O5	7.2	Khá	Khá	1,000,000
144	1810070040	Nguy n Tr ng Giang	20.T.O3	7.2	Khá	Khá	1,000,000
145	1810070027	H H u Tu n	20.T.O1	7.1	Khá	Khá	1,000,000
146	1810070116	Nguy n Ph ng Quang	20.T.O7	7.0	Khá	Khá	1,000,000
147	1810070123	Nguy n Th Huy	20.T.O3	7.0	Khá	Khá	1,000,000
148	1710070010	oàn Thành Công	19.T.O1	7.9	Khá	Khá	1,000,000
149	1710070079	Tr n Ng c Minh Chi n	19.T.O5	7.7	T t	Khá	1,000,000
150	1710070035	Nguy n Qu c Anh	19.T.O1	7.4	Khá	Khá	1,000,000
151	1610070064	Võ Minh Chi n	18.T.O3	8.7	XS	Gi i	1,200,000
152	1610070070	Tr n Qu c Hùng	18.T.O3	8.7	T t	Gi i	1,200,000
153	1610070076	Võ Minh Luân	18.T.O3	8.6	XS	Gi i	1,200,000
154	1610070049	Nguy n Ng c T n L c	18.T.O3	8.4	XS	Gi i	1,200,000
155	1610070059	Võ Minh Chi n	18.T.O3	8.3	XS	Gi i	1,200,000
156	1610070044	Lin c Phú	18.T.O3	8.1	Khá	Khá	1,000,000
157	1610070035	Nguy n Thành Trung	18.T.O1	8.0	Khá	Khá	1,000,000
158	1610070080	Tr n Thiên H u	18.T.O3	7.9	T t	Khá	1,000,000
159	1610070069	H a Hán Huy	18.T.O3	7.7	T t	Khá	1,000,000
160	1610070047	Nguy n Hoàng Lâm	18.T.O3	7.7	Khá	Khá	1,000,000
161	1610070048	Nguy n Minh Hi u	18.T.O3	7.6	T t	Khá	1,000,000
162	1610070051	Ph m Hoàng Thái	18.T.O3	7.4	Khá	Khá	1,000,000
163	1610070003	Ph m Nguy n Công Minh	18.T.O1	7.4	Khá	Khá	1,000,000
164	1610070012	Nguy n Thanh Tùng	18.T.O1	7.2	Khá	Khá	1,000,000
209	1610070084	Quan t	18.T.O3	7.0	Khá	Khá	1,000,000
Khoa CN Máy TK-TT							
166	1810040028	Lê Th Ng c Hi u	20.T.M1	7.8	T t	Khá	1,000,000
167	1810040005	Nguy n Chí Khanh	20.T.M1	7.5	T t	Khá	1,000,000
168	1810040019	Nguy n Qu nh H ng	20.T.M1	7.2	T t	Khá	1,000,000
169	1810040025	Lê Th Kim T a	20.T.M1	7.2	T t	Khá	1,000,000
170	1810040027	Mai Th Thùy Trang	20.T.M1	7.2	T t	Khá	1,000,000
171	1710040015	Giang Minh T	19.T.M1	8.9	XS	Gi i	1,200,000
172	1710040016	Ph m Th Thu Ngân	19.T.M1	7.9	Khá	Khá	1,000,000
173	1710040019	Hu nh Th M Ng c	19.T.M1	7.9	T t	Khá	1,000,000
174	1710040005	Lê Thanh Vy	19.T.M1	7.8	T t	Khá	1,000,000
175	1710040004	ào Gia H o	19.T.M1	7.5	T t	Khá	1,000,000
176	1710040012	Ng c Th y	19.T.M1	7.5	Khá	Khá	1,000,000
177	1710040022	Nguy n Hoàng Qu Trân	19.T.M1	7.4	T t	Khá	1,000,000
178	1710040026	Tr n Hà Anh Th	19.T.M1	7.2	T t	Khá	1,000,000

STT	Mã SV	H và tên	L p h c	TBC	KQ RL	Lo i HB	S t i n
179	1710040007	V H Bách Thu n	19.T.M1	7.0	T t	Khá	1,000,000
180	1610040007	Võ Th Thanh Xuân	18.T.M1	9.1	XS	Xu t s c	1,400,000
181	1610040016	Lâm L Trân	18.T.M1	8.4	XS	Gi i	1,200,000
182	1610040054	L B i M n	18.T.M1	7.5	T t	Khá	1,000,000
183	1610040057	Hu nh Dâng Tuy t	18.T.M1	7.4	Khá	Khá	1,000,000
209	1610040026	ng Nguy n Ngân Giang	18.T.M1	7.0	XS	Khá	1,000,000
Khoa K toán - Tài chính							
185	1810060021	Lý Thanh Th o	20.T.KT1	9.0	T t	Gi i	1,200,000
186	1810060016	Lê Th Ng c Thuý	20.T.KT1	9.0	T t	Gi i	1,200,000
187	1810060049	Thái My Nguy t H ng	20.T.KT3	8.7	XS	Gi i	1,200,000
188	1810130014	Nguy n Th H ng Phúc	20.T.TC1	8.2	T t	Gi i	1,200,000
189	1810060051	Nguy n Th Thùy Linh	20.T.KT3	8.2	XS	Gi i	1,200,000
190	1810060024	Nguy n Th Kim Ph ng	20.T.KT1	8.2	Khá	Khá	1,000,000
191	1810060001	Lê Minh Trang	20.T.KT5	7.7	Khá	Khá	1,000,000
192	1810060028	Nguy n Th Ph ng ào	20.T.KT1	7.4	Khá	Khá	1,000,000
193	1810060063	Nguy n Th Ph ng Khanh	20.T.KT5	7.2	T t	Khá	1,000,000
194	1810060004	Nguy n V Vân Anh	20.T.KT1	7.1	Khá	Khá	1,000,000
195	1710060012	V ng B i M n	19.T.KT1	9.3	XS	Xu t s c	1,400,000
196	1710060039	H Qu Anh	19.T.KT3	8.7	T t	Gi i	1,200,000
197	1710060034	Ti t Ý Nga	19.T.KT3	8.1	Khá	Khá	1,000,000
198	1710060001	Võ Th Qu nh Nh	19.T.KT1	8.4	Khá	Khá	1,000,000
199	1710060014	Tr n Th M Tiên	19.T.KT1	8.4	Khá	Khá	1,000,000
200	1710060011	Nguy n Th Ng c Nhi	19.T.KT1	8.0	T t	Gi i	1,200,000
201	1710060007	Ph m Th T ng Vi	19.T.KT1	7.8	Khá	Khá	1,000,000
202	1710060027	Nguy n Th Y n Nhi	19.T.KT1	7.1	Khá	Khá	1,000,000
203	1610060044	Nguy n Th Qu nh Giang	18.T.KT1	9.2	XS	Xu t s c	1,400,000
204	1610060042	Châu Tuy t Anh	18.T.KT1	9.1	XS	Xu t s c	1,400,000
205	1610060031	D ng Minh Châu	18.T.KT1	9.0	XS	Xu t s c	1,400,000
206	1610060033	Nguy n ào Thuý Hi n	18.T.KT1	8.5	XS	Gi i	1,200,000
207	1610060004	Lê Nguy n Ng c Thanh Tuy n	18.T.KT1	8.5	XS	Gi i	1,200,000
208	1610060043	Nguy n Th Minh Tâm	18.T.KT1	8.3	XS	Gi i	1,200,000
209	1610060002	Nguy n Thanh Kim Ngân	18.T.KT1	7.8	XS	Khá	1,000,000
V TINH NHÀ BÈ							
210	1810080089	L u V n V	20.T.CK1_NB	8.2	T t	Gi i	1,200,000
211	1810080113	Lâm V n Bình	20.T.CK1_NB	8.1	T t	Gi i	1,200,000
212	1810030071	Nguy n Thành Phi	20.T. 1_NB	8	XS	Gi i	1,200,000
213	1810080119	Nguy n Tr ng An	20.T.CK1_NB	7.9	Khá	Khá	1,000,000
214	1810080112	Phan Tu n Ki t	20.T.CK1_NB	7.8	Khá	Khá	1,000,000
215	1810040049	H Th Ng c Bích	20.T.M1_NB	7.7	T t	Khá	1,000,000
216	1810080118	Nguy n Thành c	20.T.CK1_NB	7.7	Khá	Khá	1,000,000
217	1810030078	Bùi V n H i Quan	20.T. 1_NB	7.6	T t	Khá	1,000,000
218	1810080103	Nguy n Hoàng Phúc	20.T.CK1_NB	7.6	Khá	Khá	1,000,000
219	1810040052	Nguy n Th Ng c Giang	20.T.M1_NB	7.4	T t	Khá	1,000,000
220	1810040047	Tr n Th Thanh S ng	20.T.M1_NB	7.3	T t	Khá	1,000,000
221	1810040038	Lê Th C m Tiên	20.T.M1_NB	7.3	T t	Khá	1,000,000
222	1810030086	Nguy n Tu n Ki t	20.T. 1_NB	7.3	T t	Khá	1,000,000
223	1810070171	Ph m T n oàn Khang	20.T.O1_NB	7.2	T t	Khá	1,000,000
224	1810040033	Hu nh Ngô Trúc Hà	20.T.M1_NB	7.2	T t	Khá	1,000,000

STT	Mã SV	H và tên	L p h c	TBC	KQ RL	Lo i HB	S t i n
225	1810080120	Võ Tu n Anh	20.T.CK1_NB	7.2	Khá	Khá	1,000,000
226	1810080086	Lê Hùng C ng	20.T.CK1_NB	7.2	Khá	Khá	1,000,000
227	1810070169	Hu nh Tu n Duy	20.T.O1_NB	7.1	T t	Khá	D i i m chu n
228	1810070140	Võ V n c	20.T.O1_NB	7.1	T t	Khá	D i i m chu n
229	1810080095	Nguy n H ng S n	20.T.CK1_NB	7.1	T t	Khá	D i i m chu n
230	1810070155	Tr ng Hùng Hòa	20.T.O1_NB	7	T t	Khá	D i i m chu n
231	1810030074	Võ Trí Thanh	20.T. 1_NB	7	T t	Khá	D i i m chu n
232	1810080111	ào Minh Khang	20.T.CK1_NB	7	T t	Khá	D i i m chu n
233	1810080083	Nguy n Ng c Thái	20.T.CK1_NB	7	Khá	Khá	D i i m chu n
234	1710070142	Nguy n Tr n c Phi	19.T.O1_NB	7.8	XS	Khá	1,000,000
235	1710070136	Ph m Duy Thu n	19.T.O1_NB	7.7	Khá	Khá	1,000,000
236	1710070127	Nguy n Minh Huân	19.T.O1_NB	7.4	Khá	Khá	1,000,000
237	1710070131	Ngô Hoàng Phúc	19.T.O1_NB	7.3	Khá	Khá	1,000,000
238	1710070135	Nguy n Hoàng Sang	19.T.O1_NB	7.3	Khá	Khá	1,000,000
239	1710070125	Nguy n Công B ng	19.T.O1_NB	7.1	Khá	Khá	1,000,000
240	1710070124	Tr n Thi n Phát	19.T.O1_NB	7.1	Khá	Khá	1,000,000
241	1710070120	Tr n Minh Phú	19.T.O1_NB	7.1	Khá	Khá	1,000,000
242	1710070140	Nguy n Ng c Tu n	19.T.O1_NB	7.1	Khá	Khá	1,000,000
243	1710070123	Hu nh Ng c c	19.T.O1_NB	7	T t	Khá	D i i m chu n
244	1710070141	ng Thành Hi u	19.T.O1_NB	7	Khá	Khá	D i i m chu n
245	1710070137	Nguy n Mai Qu c Huy	19.T.O1_NB	7	Khá	Khá	D i i m chu n
246	1710070132	Nguy n Hoàng Phi	19.T.O1_NB	7	Khá	Khá	D i i m chu n
247	1610040062	Hà Châu B o S ng	18.T.M1_NB	8.8	XS	Gi i	1,200,000
248	1610030073	Nguy n V n Hai M t	18.T. 1_NB	8.3	T t	Gi i	1,200,000
249	1610080081	Phan Minh D ng	18.T.CK1_NB	8	T t	Gi i	1,200,000
250	1610040107	Nguy n Thi n Nh	18.T.M1_NB	7.9	T t	Khá	1,000,000
251	1610030095	Nguy n Ng c Ph ng	18.T. 1_NB	7.9	T t	Khá	1,000,000
252	1610080077	Nguy n Minh Khánh	18.T.CK1_NB	7.9	T t	Khá	1,000,000
253	1610040064	Nguy n Th Ki u Oanh	18.T.M1_NB	7.8	T t	Khá	D i i m chu n
254	1610040115	Bùi Th M H ng	18.T.M1_NB	7.7	T t	Khá	D i i m chu n
255	1610080069	Nguy n Thanh Long	18.T.CK1_NB	7.7	Khá	Khá	D i i m chu n
256	1610080057	inh Ng c Phát	18.T.CK1_NB	7.7	T t	Khá	D i i m chu n
257	1610080076	Lâm Minh Khang	18.T.CK1_NB	7.5	T t	Khá	D i i m chu n
258	1610080068	Nguy n Hu nh Phi Long	18.T.CK1_NB	7.5	T t	Khá	D i i m chu n
259	1610080070	Tr ng Hoàng Long	18.T.CK1_NB	7.5	Khá	Khá	D i i m chu n
260	1610080061	Lê Tr ng Ngh a	18.T.CK1_NB	7.5	T t	Khá	D i i m chu n
261	1610080079	Tr n Tu n Anh	18.T.CK1_NB	7.4	T t	Khá	D i i m chu n
262	1610080054	Nguy n Ng c B i	18.T.CK1_NB	7.4	T t	Khá	D i i m chu n
263	1610080132	Tr n Hoàng Thi n	18.T.CK1_NB	7.4	T t	Khá	D i i m chu n
264	1610040101	Phan Th Kim Trang	18.T.M1_NB	7.3	T t	Khá	D i i m chu n
265	1610080071	Lê V n Luân	18.T.CK1_NB	7.1	T t	Khá	D i i m chu n
266	1610080136	Hu nh Thanh Quý	18.T.CK1_NB	7.1	Khá	Khá	D i i m chu n
267	1610080062	Nguy n Minh Phong	18.T.CK1_NB	7	Khá	Khá	D i i m chu n
268	1610080131	Tr n c Thành	18.T.CK1_NB	7	Khá	Khá	D i i m chu n
269	1610080127	Nguy n Thanh Tùng	18.T.CK1_NB	7	Khá	Khá	D i i m chu n
		T ng	--	--	--	--	259,600,000